

※ 번역문은 민원 신청을 위한 참고용이며, 기존의 한글 서식에 한글로 작성하여 제출해야 함을 유의해주시기 바랍니다.
※ Lưu ý bản dịch chỉ mang tính chất tham khảo khi đăng ký các vụ việc dân sự; đơn phải được điền bằng tiếng Hàn theo mẫu tiếng Hàn hiện có.

- 식품위생법 시행규칙 [별지 제49호서식] <개정 2022. 4. 28.>
■ Thông tư hướng dẫn Luật Vệ sinh thực phẩm [Mẫu đính kèm số 49] <Sửa đổi 2022. 4. 28.>

식품영업자 지위승계 신고서
ĐƠN ĐĂNG KÝ KẾ NHIỆM
VỊ TRÍ CHỦ DOANH NGHIỆP THỰC PHẨM

※ []에는 해당되는 곳에 √ 표를 하며, 뒤쪽의 첨부서류 및 유의사항을 참조하시기 바랍니다. (앞쪽)
※ Vui lòng đánh dấu √ vào [] tương ứng, và đọc hồ sơ đính kèm, nội dung lưu ý ở mặt sau. (Mặt trước)

접수번호 Số tiếp nhận	접수일 Ngày tiếp nhận	발급일 Ngày cấp	처리기간 Thời gian xử lý	뒤쪽참조 Tham khảo mặt sau
----------------------	-----------------------	-----------------	-------------------------	------------------------------

승계를 하는 사람 Người kế thừa	성명(법인인 경우 법인의 명칭 및 대표자의 성명) Họ tên (tên pháp nhân và họ tên người đại diện nếu là pháp nhân)	주민등록번호(법인인 경우 법인번호) Số chứng minh thư Hàn (số đăng ký pháp nhân nếu là pháp nhân)
	주소(법인인 경우 주된 사무지의 소재지) Địa chỉ (địa chỉ trụ sở chính nếu là pháp nhân)	전화번호 Số điện thoại

승계를 받는 사람 Người kế thừa	성명(법인인 경우 법인의 명칭 및 대표자의 성명) Họ tên (tên pháp nhân và họ tên người đại diện nếu là pháp nhân)	주민등록번호(법인인 경우 법인번호) Số chứng minh thư Hàn (số đăng ký pháp nhân nếu là pháp nhân)
	주소(법인은 주된 사무지소재지) Địa chỉ (địa chỉ trụ sở chính nếu là pháp nhân)	전화번호 Số điện thoại
	등록기준지(허가를 받아야 하는 영업만 해당) Nguyên quán(chỉ dành cho ngành kinh doanh phải xin giấy phép)	

영업소 Doanh nghiệp	명칭(상호) Tên gọi (tên thương mại)	변경 전 Trước thay đổi
		변경 후 Sau thay đổi
	영업의 종류 Loại hình kinh doanh	
	소재지 Địa chỉ	전화번호 Số điện thoại

허가(신고·등록) 번호 Số cấp phép (khai báo, đăng ký)			
승계사유 Lí do thừa kế	[] 양도·양수 [] Chuyển nhượng, tiếp nhận	[] 상속 [] Thừa kế	[] 그 밖의 사유([] Lí do khác (

분실사유 Lí do mất	
-------------------	--

「식품위생법」 제39조제3항 및 같은 법 시행규칙 제48조제1항에 따라 위와 같이 신고합니다.
Tôi xin đăng ký như trên theo khoản 3 Điều 39 “Luật Vệ sinh thực phẩm” và khoản 1 Điều 48 Thông tư hướng dẫn Luật này.

년 월 일
Năm tháng ngày

신고인(승계를 받는 사람)
Người đăng ký (người kế thừa)

(서명 또는 인)
(Kí tên hoặc đóng dấu)

대리인이 식품영업자 지위승계 신고를 하는 경우에는 아래의 위임장을 작성하시기 바랍니다. Nếu người đại diện đăng ký kế nhiệm vị trí chủ doanh nghiệp thực phẩm, vui lòng điền vào mẫu giấy ủy quyền bên dưới.				
위임장 Giấy ủy quyền	본인은 영업자의 지위승계 신고와 관련한 모든 사항을 아래 대리인에게 위임합니다. Tôi xin ủy quyền mọi vấn đề liên quan đến việc kế nhiệm vị trí chủ doanh nghiệp thực phẩm cho người đại diện dưới đây. 신고인: (서명 또는 인) Người đăng ký (Kí tên hoặc đóng dấu)			
대리인 인적사항 Thông tin cá nhân của người đại diện	성명 Họ tên	생년월일 Năm, tháng, ngày sinh	전화번호 Số điện thoại	신고인과의 관계 Quan hệ với người đăng ký

지방식품의약품안전청장

특별자치시장 · 특별자치도지사 · 시장 · 군수 · 구청장 귀하

Kính gửi Giám đốc Sở An toàn thực phẩm và dược phẩm khu vực
Thị trưởng thành phố tự trị đặc biệt (teukbyeol jachisi),
Thống đốc Tỉnh tự trị đặc biệt (teukbyeol jachido),
Thị trưởng, Chủ tịch huyện (gun), Chủ tịch quận (gu)

첨부서류 Hồ sơ đính kèm	1. 공통서류 1. Hồ sơ chung 가. 영업허가증, 영업신고증 또는 영업등록증 a. Giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 나. 영업자 지위 승계를 증명할 수 있는 다음의 서류 b. Các tài liệu sau đây chứng minh sự kế nhiệm vị trí chủ doanh nghiệp : 1) 양도의 경우: 양도·양수를 증명할 수 있는 서류 사본 1) Trường hợp chuyển nhượng: Bản sao các giấy tờ chứng minh việc chuyển nhượng, tiếp nhận 2) 상속의 경우: 상속인임을 증명하는 서류 2) Trường hợp thừa kế: Giấy tờ chứng minh người thừa kế 3) 그 밖에 해당 사유별로 영업자의 지위를 승계하였음을 증명할 수 있는 서류 3) Các tài liệu khác chứng minh kế nhiệm vị trí chủ doanh nghiệp theo từng lý do tương ứng 다. 「식품위생법」 제41조제2항 본문에 따라 미리 식품위생교육을 받은 경우: 교육이수증 c. Trường hợp đã được đào tạo về sinh an toàn thực phẩm theo nội dung chính tại khoản 2 Điều 41 “Luật Vệ sinh thực phẩm”: Giấy chứng nhận hoàn thành đào tạo 라. 양수인이 영업자 지위승계 신고를 위임한 경우: 위임인의 자필서명이 있는 위임인의 신분증명서 사본 및 위임장 d. Trường hợp bên tiếp nhận ủy quyền đăng ký kế nhiệm vị trí chủ doanh nghiệp: Bản sao giấy tờ tùy thân và giấy ủy quyền có chữ ký tay của người ủy quyền 2. 「다중이용업소의 안전관리에 관한 특별법 시행령」 제2조제1호 및 제1호의2의 영업: 「다중이용업소의 안전관리에 관한 특별법」 제13조의2에 따른 화재배상책임보험에 가입하였음을 증명하는 서류 2. Kinh doanh theo Điểm 1 và Điểm 1-2 Điều 2 Nghị định “Luật đặc biệt về quản lý an toàn các cơ sở phức hợp”: Giấy tờ chứng minh đã tham gia bảo hiểm trách nhiệm bồi thường hỏa hoạn theo Điều 13-2 của “Luật đặc biệt về quản lý an toàn các cơ sở phức hợp” 3. 「식품위생법 시행령」 제21조제9호의 공유주방 운영업: 법 제44조의2 및 영 제30조에 따른 책임보험에 가입하였음을 증명하는 서류 3. Kinh doanh bếp ăn chung theo Điểm 9 Điều 21 Nghị định Luật Vệ sinh thực phẩm: Tài liệu chứng minh đã tham gia bảo hiểm trách nhiệm theo Điều 44-2 của Luật và Điều 30 của Luật này.	수수료 9,300원 (「식품위생법 시행규칙」 제48조제2항에 따라 상속인이 영업자의 지위승계 신고와 폐업신고를 함께 하는 경우에는 수수료를 면제합니다) lệ phí 9.300 Won (Theo khoản 2 Điều 48 của “Thông tư hướng dẫn Luật Vệ sinh thực phẩm”, kế nhiệm vị trí chủ doanh nghiệp được miễn lệ phí nếu người thừa kế đăng ký kế nhiệm vị trí chủ doanh nghiệp và đăng ký ngừng kinh doanh đồng thời.)
담당 공무원 확인사항 Nội dung cán bộ phụ trách xác nhận	1. 건강진단결과서(「식품위생법 시행규칙」 제49조에 따른 건강진단 대상자의 경우만 해당합니다) 1. Giấy kết quả kiểm tra sức khỏe (chỉ các trường hợp là đối tượng kiểm tra sức khỏe theo Điều 49 “Thông tư hướng dẫn Luật Vệ sinh thực phẩm”) 2. 「가족관계의 등록 등에 관한 법률」 제15조제1항제1호의 가족관계증명서(상속의 경우에만 해당합니다) 2. Giấy chứng nhận quan hệ gia đình theo điểm 1 khoản 1 Điều 15 “Luật Đăng ký quan hệ gia đình” (chỉ áp dụng trong trường hợp thừa kế)	

행정정보 공동이용 동의서
Đơn đồng ý sử dụng chung thông tin hành chính

본인은 이 건 업무처리와 관련하여 담당 공무원이 「전자정부법」 제36조제1항에 따른 행정정보의 공동이용을 통해 위의 담당공무원 확인사항을 확인하는 것에 동의합니다.

Tôi đồng ý việc người phụ trách kiểm tra nội dung cán bộ phụ trách xác nhận thông qua sử dụng chung thông tin hành chính theo khoản 1 Điều 36 “Luật Chính phủ điện tử” để xử lý các công việc liên quan đến đơn này.

* 동의하지 않는 경우에는 신고인이 직접 관련 서류를 제출해야 합니다.

* Nếu không đồng ý, người đăng ký phải nộp trực tiếp các tài liệu liên quan.

신고인
 Người đăng ký

(서명 또는 인)
 (Kí tên hoặc đóng dấu)

처리기간
 Thời gian xử lý

- | | |
|---|----------------------------------|
| 1. 허가 및 등록사항: 3일 | 2. 신고사항: 즉시 |
| 1. Nội dung cấp phép và đăng ký: 3 ngày | 2. Nội dung đăng ký Ngay lập tức |

유의 사항
 Nội dung lưu ý

- 영업허가증, 영업신고증 또는 영업등록증을 잃어버린 경우에는 분실사유란에 그 사유를 적고 영업허가증, 영업신고증 또는 영업등록증은 첨부하지 않아도 됩니다.
- ※ Trường hợp bị mất giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận kinh doanh, hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, điền lí do mất vào mục Lí do mất và không cần đính kèm giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận kinh doanh, hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- 상속인이 영업자의 지위승계 신고와 폐업신고를 함께 하려는 경우에는 위의 첨부서류 중 제1호 및 제2호의 서류(지위승계 신고를 위임한 경우에는 제5호의 서류를 포함합니다)만 첨부하면 됩니다.
- Trường hợp người thừa kế muốn nộp chung đăng ký kế nhiệm vị trí chủ doanh nghiệp và đăng ký ngừng kinh doanh, chỉ cần đính kèm tài liệu số 1 và số 2 trong số hồ sơ đính kèm nêu trên (nếu ủy quyền đăng ký kế nhiệm thì bao gồm tài liệu số 5).

행정처분 등의 내용 고지 및 가중처분 대상업소 확인서

Thông báo nội dung xử lý hành chính, v.v. và giấy xác nhận doanh nghiệp bị xử lý tăng nặng

1. 양도인은 최근 1년 이내에 다음과 같이 「식품위생법」 제71조, 제72조, 제74조부터 제76조까지, 제80조, 같은 법 시행규칙 제89조 및 별표 23에 따라 행정처분을 받았다는 사실 및 행정제재처분의 절차가 진행 중인 사실 (최근 1년 이내에 행정처분을 받은 사실이 없는 경우에는 없다는 사실)을 양수인에게 알려주었습니다.

1. Bên chuyển nhượng đã thông báo cho bên tiếp nhận về việc đã bị xử phạt hành chính theo các Điều 71, Điều 72, từ Điều 74 đến Điều 76 và Điều 80 “Luật Vệ sinh thực phẩm”, Điều 89 và Phụ lục 23 Thông tư hướng dẫn Luật này và đang trong quy trình xử phạt hành chính trong vòng 1 năm qua như sau (nếu không bị xử phạt hành chính nào trong 1 năm qua thì thông báo không bị xử phạt).

가. 최근 1년 이내에 양도인이 받은 행정처분

a. Xử phạt hành chính bên chuyển nhượng trong vòng 1 năm qua

처분받은 날 Ngày bị xử phạt	행정처분의 내용 Nội dung xử phạt hành chính	행정처분의 사유 Lí do xử phạt hành chính

나. 행정제재처분 절차 진행사항

b. Nội dung tiến hành xử lý xử phạt vi phạm hành chính

적발일 Ngày phát hiện	식품위생법령 위반내용 Nội dung vi phạm các luật về vệ sinh thực phẩm	진행 중인 내용 Nội dung đang tiến hành

- 1) 최근 1년 이내에 행정처분을 받은 사실이 없는 경우에는 위 표의 처분받은 날란에 "없음"이라고 적어야 합니다.
- 1) Nếu không bị xử phạt hành chính nào trong 1 năm qua thì điền “không” vào ô Ngày bị xử phạt ở bảng trên.
- 2) 양도·양수허가 담당 공무원은 위 행정처분의 내용을 행정처분대장과 대조하여 일치하는지 여부를 확인해야 하며, 일치하지 아니하는 경우에는 양도인 및 양수인에게 그 사실을 알리고 위 란을 보완하도록 해야 합니다.
- 2) Cán bộ phụ trách cấp phép chuyển nhượng, tiếp nhận phải kiểm tra xem nội dung xử phạt hành chính nêu trên có khớp với số xử phạt hành chính hay không, nếu không khớp thì phải thông báo cho bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng biết và yêu cầu điền bổ sung các ô trên.
2. 양수인은 위 행정처분에서 지정된 기간 내에 처분 내용대로 이행하지 아니하거나, 행정처분을 받은 위반사항이 다시 적발된 때에는 「식품위생법 시행규칙」 제89조 및 별표 23에 따라 양도인이 받은 행정처분의 효과가 양수인에게 승계되어 가중 처분된다는 사실을 알고 있음을 확인합니다.
2. Bên nhận chuyển nhượng xác nhận rằng đã biết về việc nếu không tuân thủ nội dung xử phạt trong khoảng thời gian quy định xử phạt hành chính trên, hoặc nếu bị phát hiện tái phạm hành vi vi phạm đã bị xử phạt hành chính thì hiệu lực của xử phạt hành chính mà bên chuyển nhượng nhận được theo Điều 89 và Phụ lục 23 của “Thông tư hướng dẫn Luật Vệ sinh thực phẩm” sẽ chuyển sang cho bên nhận chuyển nhượng và sẽ bị xử phạt nặng hơn.

년 월 일
Năm tháng ngày

양도인 성명
Họ tên bên chuyển nhượng
주소
Địa chỉ

(인) 또는 서명
(Kí tên) hoặc đóng dấu

양수인 성명
Họ tên bên nhận chuyển nhượng
주소
Địa chỉ

(인) 또는 서명
(Kí tên) hoặc đóng dấu

처리 절차
Quy trình xử lý

